

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 35

STĐT
ÔNG
TNH
IỂM T
VIET
HI NH
AIẾN
S. HÀ N

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 19 ngày 16/09/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 19 ngày 16/09/2021 là 198.890.980.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám tỷ tám trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch	
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch	<i>Bổ nhiệm ngày 26/01/2022</i>
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên	
Ông Du Khắc Châu	Thành viên	
Ông Lee Sang Seok	Thành viên	
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập	
Ông Trần Văn Quân	Thành viên độc lập	<i>Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2021</i>
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập	<i>Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2021</i>

Ban Điều hành

Ông Bạch Dương	Giám đốc
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 11/2/2022, Công ty đã có Nghị quyết số 05/2022/NQ/HĐQT.ADG của Hội đồng quản trị về việc đầu tư vào công ty con với các nội dung sau: Góp thêm vốn vào Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh bằng hình thức nhận cổ tức bằng cổ phiếu 805.000 cổ phần tương ứng 8.050.000.000 đồng và mua thêm cổ phần phát hành của các cổ đông hiện hữu với số cổ phiếu là 245.000 cổ phần tương ứng 2.450.000.000 đồng; Góp vốn thành lập công ty con là Công ty cổ phần Thương mại điện tử OJO với số vốn góp là 450.000.000 đồng và sở hữu 90% vốn điều lệ tại công ty con nêu trên.

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

Chịu trách nhiệm



Nguyễn Khánh Trinh

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

002
NAM

M.S.C
THANH

Số: 05/2022/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Clever Group
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.*

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
 Công ty cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group, được lập ngày 03/03/2022 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó trên Báo cáo kiểm toán số 0614/VN1A-HN-BC ngày 01/03/2021.



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Trang

Nguyễn Quỳnh Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2018-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322.620.906.823	300.196.155.119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.179.336.811	15.794.177.390
1. Tiền	111		5.179.336.811	15.794.177.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	187.917.562.626	101.113.584.713
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		187.917.562.626	101.113.584.713
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.976.376.326	182.294.660.377
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	100.751.353.236	117.795.622.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	548.592.722	466.232.152
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	21.034.060.039	64.642.258.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357.629.671)	(609.452.439)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	5.156.336.849	896.392.784
1. Hàng tồn kho	141		5.156.336.849	896.392.784
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		391.294.211	97.339.855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	391.294.211	96.253.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.086.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.775.884.766	117.522.855.779
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.710.000.000	51.447.472.980
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	2.500.000.000	500.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	50.210.000.000	50.947.472.980
II. Tài sản cố định	220		9.783.503.650	4.232.636.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	5.402.992.385	4.232.636.878
- Nguyên giá	222		13.943.425.182	12.152.150.636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.540.432.797)	(7.919.513.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	4.380.511.265	-
- Nguyên giá	228		4.380.511.265	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.917.774.635	36.579.425.535
- Nguyên giá	231		4.917.774.635	36.579.425.535
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	30.701.588.532	23.922.984.123
1. Đầu tư vào công ty con	251		37.882.879.000	28.221.572.080
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.219.693.080	4.756.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(11.400.983.548)	(9.054.587.957)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		663.017.949	1.340.336.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	663.017.949	1.340.336.263
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		421.396.791.589	417.719.010.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		168.862.624.442	194.670.350.854
I. Nợ ngắn hạn	310		168.862.624.442	194.670.350.854
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	63.865.862.468	73.151.805.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	7.356.673.387	5.872.479.469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	11.177.932.298	11.217.737.726
4. Phải trả người lao động	314		1.489.063.615	1.262.230.156
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.046.816.035	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	582.168.488	1.072.155.310
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	83.344.108.151	102.093.942.782
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.534.167.147	223.048.660.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	252.534.167.147	223.048.660.044
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198.890.980.000	180.003.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198.890.980.000	180.003.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.608.247.147	43.010.390.044
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.010.573.545	796.743.348
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.597.673.602	42.213.646.696
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		421.396.791.589	417.719.010.898

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HÒI



NGUYỄN THỊ HÒI



Giám đốc

BACH DUONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	537.383.976.442	424.966.955.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.201.476.500	2.907.318.151
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		536.182.499.942	422.059.636.861
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	479.828.708.516	353.620.150.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.353.791.426	68.439.485.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	21.044.954.191	14.140.469.579
7. Chi phí tài chính	22	6.5	6.673.350.140	6.680.423.275
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.912.112.848	1.942.871.066
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	12.110.596.124	10.728.144.499
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.942.461.626	11.714.371.072
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.672.337.727	53.457.016.704
11. Thu nhập khác	31	6.7	18.952.975	344.848.517
12. Chi phí khác	32	6.7	1.590.685.293	736.021.935
13. Lợi nhuận khác	40		(1.571.732.318)	(391.173.418)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.100.605.409	53.065.843.286
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	9.502.931.806	10.852.196.590
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.597.673.603	42.213.646.696

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HỜI

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HỜI

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022



BẠCH DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.100.605.409	53.065.843.286
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.121.088.150	1.408.455.216
- Các khoản dự phòng	03	2.094.572.823	4.721.253.829
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	393.069.554	(494.198.212)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.845.615.559)	(15.577.712.088)
- Chi phí lãi vay	06	3.912.112.848	1.942.871.066
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	32.775.833.225	45.066.513.097
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	64.213.933.053	(80.250.695.226)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.259.944.065)	(896.392.784)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.677.614.460)	51.941.574.066
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	374.522.989	470.419.377
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.865.296.813)	(1.450.311.789)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.344.028.821)	(10.418.158.167)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.217.405.108	4.462.948.574
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.783.058.538)	(28.075.329.982)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	34.544.374.593	15.273.645.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(595.908.136.445)	(525.114.707.315)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	505.104.158.532	389.255.996.252
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.125.000.000)	(7.898.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.176.483.197	15.486.521.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.991.178.661)	(141.071.873.740)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	888.000.000	71.594.230.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	384.474.780.045	281.662.307.936
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(403.224.614.676)	(208.030.274.810)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.974.781.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.836.615.631)	145.226.263.126
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(10.610.389.184)	8.617.337.960
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.794.177.390	7.176.839.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.451.395)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.179.336.811	15.794.177.390

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HÒÌ



NGUYỄN THỊ HÒÌ



Giám đốc

BACH ĐƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông Minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 19 ngày 16/09/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 19 ngày 16/09/2021 là 198.890.980.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám tỷ tám trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 174 người (Tại ngày 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên là 139 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
1.	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2.	Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3.	Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
4. Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
5. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
7. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
8. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
9. Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
10. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	95	95	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
<i>Công ty liên kết</i>				
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động

(i) Từ thời điểm 30/09/2021, Công ty TNHH ADOP Vietnam trở thành công ty liên kết của Công ty do chấm dứt thỏa thuận giữa Công ty cổ phần CLEVER GROUP và ADOP INC về việc chuyển toàn bộ quyền biểu quyết của ADOP INC (tương ứng tỷ lệ sở hữu 60%) cho CLEVER GROUP tại Công ty TNHH ADOP Vietnam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**Đơn vị trực thuộc:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính của Văn phòng Hà Nội. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

6191
CÔNG
TINH
KIỂM T
PA VIET
CHI NH
MIỄN
HỒ HÀ T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

9179
 TY
 IH
 OÁN
 NAM
 ANH
 BẮC
 101-VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ tương ứng với thời gian trả trước, phí cập nhật dữ liệu được phân bổ trong thời gian 10 tháng, phí sử dụng đường bộ, cước phí internet và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ trong thời gian từ 18 đến 36 tháng, chi phí sửa chữa xe ô tô và chi phí sửa chữa công trình 27 Tháng Long được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, kế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo và doanh thu bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và giá vốn của bất động sản đã bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm tài chính.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính.

Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

91791
TY
H
OÁN
NAM
ÁNH
BẮC
IQT-VIET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	59.829.291	4.535.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.119.507.520	15.789.641.441
Tổng	5.179.336.811	15.794.177.390

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	187.917.562.626	187.917.562.626	101.113.584.713	101.113.584.713
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.844.801.417	3.844.801.417	-	-
- Trái phiếu (i)	177.672.761.209	177.672.761.209	101.113.584.713	101.113.584.713
<i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2</i>	-	-	1.650.000.000	1.650.000.000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>	60.882.761.209	60.882.761.209	-	-
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory</i>	-	-	97.500.000.000	97.500.000.000
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An</i>	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn Đất xanh</i>	-	-	1.963.584.713	1.963.584.713
<i>Công ty cổ phần Bông Sen</i>	89.790.000.000	89.790.000.000	-	-
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi</i>	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Các khoản đầu tư khác (ii)	6.400.000.000	6.400.000.000	-	-
Tổng	187.917.562.626	187.917.562.626	101.113.584.713	101.113.584.713

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng với lãi suất đầu tư từ 6% - 9,1%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được chuyển nhượng cho các công ty chứng khoán tại ngày tất toán khoản đầu tư.

(ii): Khoản đầu tư khác là khoản vốn đầu tư theo hợp đồng môi giới trái phiếu giữa Công ty với Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt với lãi suất đầu tư từ 8% - 8,2%/năm tại ngày tất toán khoản đầu tư.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
Các công ty con	
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lãi
4. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
5. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lãi
6. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
7. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
8. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
9. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
Các công ty liên kết	
10. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
11. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Hoạt động kinh doanh có lãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			37.882.879.000		10.967.286.652	28.221.572.080		8.569.914.235
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3.351.315.000		2.053.740.537	3.351.315.000		354.549.584
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	10.500.000.000		-	10.500.000.000		-
- Công ty TNHH ADOP Vietnam (iv)	40%	100%	-		-	2.463.693.080		163.542.914
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8.316.000.000		7.076.737.940	8.316.000.000		7.846.726.336
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740.564.000		-	740.564.000		-
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600.000.000		-	600.000.000		24.425.288
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2.250.000.000		764.783.016	2.250.000.000		180.670.113
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới (ii)	97%	97%	5.000.000.000		4.138.797	-		-
- Công ty cổ phần CMETRIC (iii)	88,33%	88,33%	7.125.000.000		1.067.886.362	-		-
Đầu tư vào công ty liên kết			4.219.693.080		433.696.896	4.756.000.000		484.673.722
- Công ty CP Mạng Quảng cáo Thông minh	40%	40%	1.756.000.000		286.114.982	1.756.000.000		284.432.588
- Công ty TNHH ADOP Vietnam (iv)	40%	40%	2.463.693.080		147.581.914	-		-
- Công ty cổ phần CMETRIC (iii)			-		-	3.000.000.000		200.241.134
Tổng			42.102.572.080		11.400.983.548	32.977.572.080		9.054.587.957

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty góp vốn thành lập Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty CF số 0323/2021/QĐ - HDQT.ADG ngày 23/3/2021.

(iii) Công ty mua thêm cổ phần của Công ty cổ phần Cmetric để tăng tỷ lệ sở hữu thành 88,33% và chuyển từ công ty liên kết thành công ty con.

(iv) Công ty TNHH ADOP Vietnam trở thành công ty liên kết từ thời điểm 30/09/2021 do chấm dứt thỏa thuận giữa Công ty cổ phần CLEVER GROUP và ADOP INC về việc chuyển toàn bộ quyền biểu quyết của ADOP INC (tương ứng tỷ lệ sở hữu 60%) cho CLEVER GROUP tại Công ty TNHH ADOP Vietnam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
CleverAds Philippines Corporation	6.171.841.545	5.758.974.626
Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	3.898.546.044	3.529.685.537
Công ty CP Giải trí và thể thao điện tử Việt Nam	1.661.322.604	5.971.358.122
Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Tân Hiệp Phát	6.407.330.514	3.021.216.000
Công ty cổ phần TIKI	57.799.018.658	71.709.359.152
REVVU Corporation Inc	-	3.850.000.000
Tổng công ty hàng không Việt Nam	2.183.400.000	-
Công ty TNHH MERAP TRADING	1.229.670.099	150.796.250
Các khách hàng khác	21.400.223.772	23.804.232.558
Tổng	100.751.353.236	117.795.622.245
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	6.650.024.235	6.458.594.265

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty cổ phần VCCorp	-	92.400.000
Công ty TNHH POS	154.440.000	-
Ông Đặng Trọng Toàn	360.000.000	360.000.000
Công ty CP KD TM và truyền thông thời đại mới	22.698.500	-
Các nhà cung cấp khác	11.454.222	13.832.152
Tổng	548.592.722	466.232.152

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ (i)	1.500.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	-
Dài hạn	2.500.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	-	500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (ii)	2.500.000.000	-
Tổng	4.500.000.000	500.000.000

91791
 TY
 IH
 OÁN
 NAM
 IÁNH
 BẮC
 VỚI - VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)**

(i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản cho vay có thời hạn trong 12 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay khoảng 10,35%/năm.

(ii): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay khoảng 9,9%/năm.

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	21.034.060.039	64.642.258.419
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	18.124.695.084	61.178.230.142
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	399.026.846	2.028.649.409
- Lãi dự thu trái phiếu	2.285.564.381	1.414.722.867
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	220.676.027	-
- Phải thu khác	4.097.701	20.656.001
Dài hạn	50.210.000.000	50.947.472.980
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	50.210.000.000	50.210.000.000
- Phải thu khác	-	737.472.980
Tổng	71.244.060.039	115.589.731.399

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31/12/2021 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:

- Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.273.601.172 VND, lãi suất từ 4,8%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 8.091.328.183 VND, lãi suất 4,6 - 4,7%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 VND, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thịnh Vượng với tổng giá trị cầm cố là 3.405.882.749 VND, lãi suất 4,6 - 5,0%/năm cho hợp đồng cấp bảo lãnh tại các Ngân hàng thương mại.

- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 686.472.980 VND.

- Các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền là 167.410.000 VND.

(ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2021 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 8,1%/năm, kỳ hạn 10 năm.

- Trái phiếu mã số CTG208T2/02_119 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2021 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,9%/năm, kỳ hạn 8 năm.

- Trái phiếu mã số CTG1727T2/02_2634 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2021 là 10.200.000.000 VND, lãi suất 6,9%/năm, kỳ hạn 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.7 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT Chi nhánh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trường Sa	-	-	89.444.768	-
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công trình Nghi đường S.P.A Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường	-	-	23.760.000	-
Công ty TNHH Giáo dục WISDOMLAND	-	-	31.350.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	45.100.000	-
Công ty TNHH GOGALA	49.745.079	-	11.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	-	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	41.454.545	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	50.913.079	-
Tổng	357.629.671	-	609.452.439	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	5.156.336.849	-	896.392.784	-
Tổng	5.156.336.849	-	896.392.784	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
Ngắn hạn	391.294.211		96.253.855	
- Chi phí thuê văn phòng	343.616.711		89.865.188	
- Chi phí bảo hiểm thân vỏ	-		6.388.667	
- Phí sử dụng đường bộ	2.877.500		-	
- Chi phí cập nhật dữ liệu	25.000.000		-	
- Chi phí trả trước khác	19.800.000		-	
Dài hạn	663.017.949		1.340.336.263	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	628.417.971		1.325.031.265	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	34.599.978		15.304.999	
Tổng	1.054.312.160		1.436.590.118	

010
CÔNG
TNI
KIỂM
PA VIE
CHI NI
MIENN
PHO HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2021	11.815.557.181	336.593.455	-	12.152.150.636
Mua trong năm	2.402.547.273	-	-	2.402.547.273
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(611.272.727)	-	-	(611.272.727)
Tại ngày 31/12/2021	13.606.831.727	336.593.455	-	13.943.425.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	7.586.933.654	332.580.104	-	7.919.513.758
Khấu hao trong năm	1.103.446.816	17.641.334	-	1.121.088.150
Tăng khác	5.873.014	-	-	5.873.014
Thanh lý, nhượng bán	(492.414.142)	-	-	(492.414.142)
Giảm khác	-	(13.627.983)	-	(13.627.983)
Tại ngày 31/12/2021	8.203.839.342	336.593.455	-	8.540.432.797
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	4.228.623.527	4.013.351	-	4.232.636.878
Tại ngày 31/12/2021	5.402.992.385	-	-	5.402.992.385

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 4.354.845.182 VND (ngày 31/12/2020: 3.693.908.818 VND).

5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.12 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ				
TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635
Nhà và quyền sử dụng đất	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635
TÔN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635
Nhà và quyền sử dụng đất	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Châu Á Tiêu Diễm	-	-	110.000.000	110.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại TIKI	490.412.579	490.412.579	-	-
Công ty cổ phần Five Star Kim Giang	325.165.980	325.165.980	5.471.512	5.471.512
Face Book Ireland Limited	17.117.208.494	17.117.208.494	21.788.812.002	21.788.812.002
Google Ireland Ltd	45.921.399.951	45.921.399.951	51.054.060.715	51.054.060.715
Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	11.675.464	11.675.464	193.461.182	193.461.182
Tổng	63.865.862.468	63.865.862.468	73.151.805.411	73.151.805.411

5.14 Người mua trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	515.000.000	515.000.000	-	-
Công ty CP BERJAYA - Bờ Biển Dài	569.885.800	569.885.800	-	-
Trường Đại học Gia Định	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam	476.176.000	476.176.000	-	-
Công ty CP Chứng khoán PINETREE	244.420.000	244.420.000	-	-
Công ty TNHH HNH Medical	220.000.000	220.000.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	333.058.566	333.058.566	-	-
Công ty CP LIFESTYLE PROJECT MANAGEMENT Việt Nam	247.984.208	247.984.208	-	-
PT CleverAds	-	-	1.442.399.232	1.442.399.232
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	192.752.660	192.752.660	340.437.928	340.437.928
Các khách hàng khác	4.157.396.153	4.157.396.153	4.089.642.309	4.089.642.309
Tổng	7.356.673.387	7.356.673.387	5.872.479.469	5.872.479.469

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

- 1.442.399.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	6.473.396.064	25.205.552.588	(26.707.032.462)	4.971.916.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.645.604.186	9.502.931.806	(9.344.028.821)	4.804.507.171
Thuế thu nhập cá nhân	98.737.476	368.105.820	(260.522.735)	206.320.561
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	3.044.655.994	(1.849.467.618)	1.195.188.376
Tổng	11.217.737.726	38.121.246.208	(38.161.051.636)	11.177.932.298

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.046.816.035	-
Tổng	1.046.816.035	-

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	256.782.988	256.782.988	279.386.988	279.386.988
Các khoản phải trả khác	325.385.500	325.385.500	792.768.322	792.768.322
Tổng	582.168.488	582.168.488	1.072.155.310	1.072.155.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021 (VND)		Trong năm		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	79.348.442.810	79.348.442.810	278.560.639.476	(296.233.965.849)	97.021.769.183	97.021.769.183
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	79.348.442.810	79.348.442.810	278.560.639.476	(296.233.965.849)	97.021.769.183	97.021.769.183
Công ty cổ phần Review Thông Minh	-	-	8.500.000.000	(8.500.000.000)	-	-
Công ty cổ phần CMETRIC	-	-	2.201.000.000	(2.201.000.000)	-	-
Công ty cổ phần trực tuyến CLEVER X	-	-	2.100.000.000	(2.100.000.000)	-	-
Dư nợ tín dụng	3.995.665.341	3.995.665.341	93.128.865.502	(94.205.373.760)	5.072.173.599	5.072.173.599
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	3.493.488.079	3.493.488.079	86.789.017.331	(88.177.736.320)	4.882.207.068	4.882.207.068
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	502.177.262	502.177.262	6.339.848.171	(6.027.637.440)	189.966.531	189.966.531
Tổng	83.344.108.151	83.344.108.151	371.689.504.978	(390.439.339.609)	102.093.942.782	102.093.942.782

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 004/2020 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 02/11/2020 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 02/11/2020. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,8%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 001/2021 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 02/11/2021 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/10/2022. Khoản vay được giải ngân theo từng khối ước nhận nợ cụ thể có thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,7%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

+ Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2021 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 10.200.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBD/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 và số 010/2020/HĐBDVNCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/11/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).

+ Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.273.601.172 VND (Thuyết minh số 5.6)

+ Tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba do ông Nguyễn Khánh Trình là chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (i) - Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2021-HĐCVTL/NHCT140-CLEVER ký ngày 25/06/2021 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5,6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam mã số CTG2028T2 /02-119 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 31/12/2021 là 35.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).
- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 5.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 8.091.328.183 VND (Thuyết minh số 5.6).
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	-	-	35.240.783.348	109.240.783.348
Tăng vốn điều lệ	8.880.000.000	60.867.960.000	-	-	69.747.960.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	1.846.270.000	-	-	-	1.846.270.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	34.444.040.000	-	-	(34.444.040.000)	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	60.833.020.000	(60.833.020.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	42.213.646.696	42.213.646.696
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	180.003.330.000	34.940.000	-	43.010.390.044	223.048.660.044
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	888.000.000	-	-	-	888.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	17.999.650.000	-	-	(17.999.650.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.597.673.603	37.597.673.603
Tăng khác	-	-	(393.069.554)	-	(393.069.554)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	(9.000.166.500)	(9.000.166.500)
Giảm khác	-	-	393.069.554	-	393.069.554
Số dư cuối năm nay	198.890.980.000	34.940.000	-	53.608.247.147	252.534.167.147

(*): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-DH ngày 22/05/2021. Số vốn tăng thêm là dưới hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số vốn tăng thêm là 17.999.650.000 đồng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số vốn tăng thêm là 888.000.000 đồng hoàn thành vào ngày 16/9/2021. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phát hành thêm theo Công văn số 4870/UBCK - QLCB ngày 25/08/2021 là 1.799.965 cổ phiếu và Công văn số 5150/UBCK - QLCB ngày 08/09/2021 là 88.800 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	53.154.280.000	47.885.710.000
Ông Dư Khắc Châu	1.784.350.000	1.603.960.000
YELLOW DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	79.639.470.000	72.399.520.000
Cyber Agent Capital, Inc	-	1.206.760.000
Các cổ đông khác	64.312.880.000	56.907.380.000
Tổng	198.890.980.000	180.003.330.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	180.003.330.000	74.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	18.887.650.000	106.003.330.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	198.890.980.000	180.003.330.000

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐH ngày 22/05/2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

- + Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền là 9.000.166.500 đồng;
- + Chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 17.999.650.000 đồng (số theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là 18.000.333.000 đồng nhưng thực tế là 17.999.650.000 đồng, chênh 683.000 đồng do hủy các cổ phiếu lẻ khi chia cổ tức).

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.889.098	18.000.333
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.889.098	18.000.333
Cổ phiếu phổ thông	19.889.098	18.000.333
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.889.098	18.000.333
Cổ phiếu phổ thông	19.889.098	18.000.333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	3.066.345.296	2.995.081.200
Trên 01 năm đến 05 năm	4.976.111.159	12.981.782.400
Tổng	8.042.456.455	15.976.863.600
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	21.954,62	34.675,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	15.273.645.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	502.959.601.849	409.693.309.557
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	34.424.374.593	-
Tổng	537.383.976.442	424.966.955.012
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	16.694.554.190	10.978.787.879

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thương mại	1.201.476.500	2.907.318.151
Tổng	1.201.476.500	2.907.318.151

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	14.193.965.568
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	448.167.057.616	339.426.185.322
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	31.661.650.900	-
Tổng	479.828.708.516	353.620.150.890

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	19.081.750.451	13.449.698.513
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.815.578.836	690.771.066
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	147.624.904	-
Tổng	21.044.954.191	14.140.469.579

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	3.912.112.848	1.942.871.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá	410.381.701	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	2.346.395.591	4.663.824.209
Chi phí tài chính khác	4.460.000	73.728.000
Tổng	6.673.350.140	6.680.423.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.322.173.059	3.243.485.397
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.120.768.886	99.957.355
Chi phí khấu hao TSCĐ	735.343.158	1.106.257.720
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(251.822.768)	18.194.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.386.142.984	7.174.305.547
Chi phí khác bằng tiền	629.856.307	72.170.910
Tổng	9.942.461.626	11.714.371.072
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	11.781.058.125	10.378.220.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.044.369	330.705.001
Chi phí khác bằng tiền	13.493.630	19.219.082
Tổng	12.110.596.124	10.728.144.499

6.7 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	18.952.975	344.848.517
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	1.141.415	-
- Xử lý số dư công nợ	-	104.775.419
- Các khoản khác	17.811.560	240.073.098
Chi phí khác	1.590.685.293	736.021.935
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	385.744.992	-
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	600.000.000
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.174.285.718	-
- Các khoản khác	30.654.583	136.021.935
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(1.571.732.318)	(391.173.418)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.179.128.228	1.625.694.986
Chi phí nhân công	19.010.718.019	20.018.399.374
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.121.088.150	1.408.455.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.054.950.262	351.707.404.190
Chi phí khác bằng tiền	686.999.350	1.302.712.695
Tổng	475.052.884.009	376.062.666.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.502.931.806	10.852.196.590
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH năm nay	-	-
Tổng	9.502.931.806	10.852.196.590

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	47.100.605.409	53.065.843.286
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	414.053.620	1.195.139.662
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	414.053.620	1.195.139.662
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	47.514.659.029	54.260.982.948
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	47.514.659.029	54.260.982.948
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành (20%)	9.502.931.806	10.852.196.590
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.645.604.186	4.211.565.762
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(9.344.028.821)	(10.418.158.167)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	4.804.507.171	4.645.604.186

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.
- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2020.
- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.

Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty TNHH ADOP Vietnam (*)	Công ty con/Công ty liên kết
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

(*): Từ thời điểm 30/09/2021, Công ty TNHH ADOP Vietnam trở thành công ty liên kết của Công ty do chấm dứt thỏa thuận giữa Công ty cổ phần CLEVER GROUP và ADOP INC về việc chuyển toàn bộ quyền biểu quyết của ADOP INC (tương ứng tỷ lệ sở hữu 60%) cho CLEVER GROUP tại Công ty TNHH ADOP Vietnam.

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	3.086.797.462	1.603.972.351
Cộng	3.086.797.462	1.603.972.351

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch	701.639.024	405.857.907
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Ủy viên	468.000.000	431.130.000
Bà Lưu Hoàng Anh	Ủy viên	387.055.319	257.754.444
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên	421.200.000	-
Tổng		1.977.894.343	1.094.742.351

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc	559.653.119	-
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	228.450.000	204.330.000
Bà Nguyễn Thị Hồi	Kế toán trưởng	320.800.000	304.900.000
Tổng		1.108.903.119	509.230.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng				
Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3.851.283.833	1.459.400.016
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.669.609.208	1.540.772.015
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	124.266.481	143.782.072
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3.600.539	6.869.896
Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	97.957.560	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	564.026.918	413.574.302
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	4.400.221.972	6.078.256.250
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1.833.951.235	1.253.452.533
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	44.578.182	82.680.795
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.747.020	-
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	14.434.171	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.083.877.071	-
Tổng			16.694.554.190	10.978.787.879

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.851.027.667	1.817.506.000
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Mua dịch vụ	516.409.091	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Mua dịch vụ	576.715.211	365.475.573
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	4.724.592	28.947.135
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	50.000.000	1.869.000
Tổng			2.998.876.561	2.213.797.708

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cho vay				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	19.350.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền cho vay	19.350.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	573.467.082	-
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên	Cho vay	-	500.000.000
Công ty cổ phần JobsGO	quản lý chủ chốt	Thu hồi tiền cho vay	-	500.000.000
Vay				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Vay vốn	8.500.000.000	-
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Trả nợ tiền vay	8.500.000.000	-
Công ty cổ phần CMETRIC	Công ty con	Cho vay	2.201.000.000	-
Công ty cổ phần CMETRIC	Công ty con	Trả nợ tiền vay	2.201.000.000	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Cho vay	2.100.000.000	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Trả nợ tiền vay	2.100.000.000	-

15-11
JP
H/P
N-0181
CÔNG
TNH
KIỂM T
IPA VIET
CHI NH
MIỄN E
HỒ HÃ N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng		6.650.024.235	6.458.594.265
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	67.628.426	346.731.646
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	191.089.870	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	17.259.432	18.478.772
Công ty cổ phần JobsGO CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	202.204.962	319.559.221
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	6.171.841.545	5.758.974.626
	Công ty liên kết	-	14.850.000
Khách hàng trả tiền trước		-	1.442.399.232
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	-	1.442.399.232

7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 11/2/2022, Công ty đã có Nghị quyết số 05/2022/NQ/HĐQT.ADG của Hội đồng quản trị về việc đầu tư vào công ty con với các nội dung sau: Góp thêm vốn vào Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh bằng hình thức nhận cổ tức bằng cổ phiếu 805.000 cổ phần tương ứng 8.050.000.000 đồng và mua thêm cổ phần phát hành của các cổ đông hiện hữu với số cổ phiếu là 245.000 cổ phần tương ứng 2.450.000.000 đồng; Góp vốn thành lập công ty con là Công ty cổ phần Thương mại điện tử OJO với số vốn góp là 450.000.000 đồng và sở hữu 90% vốn điều lệ tại công ty con nêu trên.

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





NGUYỄN THỊ HỜI

NGUYỄN THỊ HỜI

BẠCH DƯƠNG